Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Đak Pơ
Email: ubnd.dakpo@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 23.11.2018 16:21:16

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 248 /BC-UBND	*Đak Pơ, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2019

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Gia Lai và thực trạng nền hành chính của địa phương, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 với 07 nhiệm vụ chung và 28 nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực cấu thành nền hành chính như: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch kiểm soát năm 2018.

UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo các xã, thị trấn và các cơ quan trong việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung kế hoạch công tác cải cách hành chính.

Đến nay, đã triển khai thực hiện 28/28 nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Nhằm nâng cao vai trò trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính đề ra.

Năm 2018, UBND huyện Đak Pơ đã ban hành các văn bản chỉ đạo như: tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính nhà nước; tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức; công tác đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã; tiếp tục nâng cao văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp trong cơ quan; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ làm việc; khắc phục công tác cải cách hành chính năm 2017 và những tháng đầu năm 2018.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 11/12/2017 về ứng dụng công nghệ thông tin huyện Đak Pơ năm 2018; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 15/6/2018 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính

phủ trên địa bàn huyện Đak Pơ; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12/01/2018 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018; Công văn số 603/UBND-NV ngày 14/6/2018 về khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính.

Chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại UBND huyện, cấp xã thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính, giảm thiểu việc giải quyết hồ sơ trễ hẹn của nhân dân, hạn chế các tiêu cực xảy ra trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

Giao trách nhiệm cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với sự nghiệp công lập.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, UBND cấp xã thường xuyên cập nhật các TTHC mới theo quyết định ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh và niêm yết công khai theo quy định tại Thông tư số 02/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, đồng thời, bỏ niêm yết đối với TTHC được sửa đổi, bãi bỏ hoặc thay thế.

Việc sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng, 9 tháng được triển khai lồng ghép với các cuộc họp, các Hội nghị sơ kết, tổng kết tình hình kinh tế - xã hội của huyện. Qua đó chỉ ra những hạn chế, yếu kém cần khắc phục đồng thời đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể để kịp thời chấn chỉnh chỉ đạo các cơ quan, các xã, thị trấn thực hiện tốt hơn.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 02/3/2018 về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2018, Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2018 và đã tiến hành tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại 8 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Qua kiểm tra, Đoàn đã báo cáo UBND huyện kết quả kiểm tra công tác CCHC năm 2018, nêu rõ mặt làm được, những tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. Đồng thời, Đoàn kiểm tra cũng đề xuất, kiến nghị UBND huyện một số nội dung trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại địa phương.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác cải cách hành chính; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính huyện Đak Pơ giai đoạn 2016 - 2020 và các kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của huyện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện, Cổng thông tin điện tử huyện, thông qua các cuộc họp) và lồng ghép để tuyên truyền, phổ biến về Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 của tỉnh và kế hoạch cải cách hành chính của huyện.

Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện thường xuyên đăng tải các tin, bài, phóng sự về kết quả thực hiện CCHC của huyện. Ngoài ra còn tổ chức tiếp âm, tiếp sóng các nội dung chuyên mục cải cách hành chính do Đài Phát thanh – truyền hình tỉnh sản xuất để phát lại. Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện đã phát sóng 03 chuyên mục về cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn huyện;

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2018 trên địa bàn huyện;

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn huyện;

Và ban hành các văn bản triển khai thực hiện các Kế hoạch.

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

Công tác xây dựng văn bản QPPL: Năm 2018, HĐND, UBND huyện không ban hành văn bản QPPL nào.

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Năm 2018, HĐND, UBND huyện và HĐND, UBND cấp xã không ban hành văn bản QPPL nên không phát sinh nhiệm vụ kiểm tra và tự kiểm tra văn bản QPPL.

Công tác rà soát văn bản QPPL: Năm 2018, UBND huyện đã thực hiện 02 đợt rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND huyện ban hành tính đến ngày 30/6/2018. Kết quả rà soát như sau (tính đến ngày 30/6/2018):

- Tổng số văn bản được tập hợp rà soát: 16 văn bản QPPL *(Gồm: 02 Nghị quyết (NQ); 14 quyết định (QĐ)).*

Trong đó: Số văn bản còn hiệu lực thi hành tính đến ngày 31/12/2017 là 16 văn bản QPPL *(gồm: 02 NQ, 14 QĐ).*

- Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018: HĐND huyện, UBND huyện không ban hành văn bản QPPL nào.

- Kết quả rà soát cụ thể như sau: (tính đến ngày 30/6/2018)

+ Còn hiệu lực thi hành: 16 văn bản QPPL *(gồm có: 02 NQ (kể cả 01 NQ đang còn hiệu lực thi hành một phần) và 14 QĐ).*

+ Hết hiệu lực thi hành: 0 văn bản.

+ Đề nghị bãi bỏ 06 văn bản QPPL (*gồm: 06 QĐ*).

Công tác hệ thống hoá văn bản QPPL: Năm 2018, công tác hệ thống hóa đang được triển khai thực hiện, kết quả hệ thống hóa sẽ báo cáo trong tháng 01/2019.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

UBND huyện ban hành những văn bản sau:

+ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12/01/2018 về kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn huyện, trong đó nêu rõ nội dung công việc, thời hạn hoàn thành công việc và trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các công việc được giao.

+ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 26/02/2018 về việc cử công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC của UBND huyện Đak Pơ.

+ Thông báo số 105/TB-UBND ngày 17/5/2018 của UBND huyện về việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn huyện Đak Pơ.

+ 08 Công văn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, cập nhật, niêm yết công khai… TTHC: Công văn số 1165/UBND-VP ngày 07/12/2017; Công văn số 1188/UBND-VP ngày 14/12/2017; Công văn số 379/UBND-VP ngày 19/4/2018; Công văn số 564/UBND- VP ngày 04/6/2018; Công văn số 1019/UBND- VP ngày 12/9/2018; **công văn số 1117/UBND-VP ngày 08/10/2018;** Công văn số 1189/UBND- VP ngày 23/10/2018 và Công văn số 708/UBND- VP ngày 09/7/2018.

+ Báo cáo kết quả công tác kiểm soát TTHC quý I, II, III năm 2018 gửi Văn phòng UBND tỉnh.

UBND huyện cũng đã chỉ đạo các cơ quan trực tiếp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của công dân, tổ chức, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, bảo đảm theo đúng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương: UBND huyện không có thẩm quyền ban hành mới các TTHC.

Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC:

- *Về rà soát TTHC:* Năm 2018, UBND huyện không đăng ký rà soát TTHC với tỉnh mà thực hiện theo nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch rà soát TTHC năm 2018 của UBND tỉnh.

- *Về cập nhật TTHC:* UBND huyện thường xuyên ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thường xuyên cập nhật các TTHC mới theo quyết định ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh và niêm yết công khai theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, đồng thời, bỏ niêm yết đối với TTHC được sửa đổi, bãi bỏ hoặc thay thế.

- *Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính:* Thực hiện Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC của công dân, tổ chức niêm yết công khai thông tin, địa chỉ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị và kết quả kiểm tra, xử lý các phản ánh kiến nghị: Trong năm, UBND huyện không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

Về công khai thủ tục hành chính:

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện niêm yết công khai các TTHC theo quy định.

Việc niêm yết công khai các TTHC tại các cơ quan, đơn vị, các địa phương đã đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ các nội dung của TTHC theo Quyết định công bố TTHC, sửa đổi TTHC. Đối với TTHC được niêm yết công khai có mẫu đơn, mẫu tờ khai thì các mẫu đơn, mẫu tờ khai được đính kèm ngay sau TTHC; bản giấy TTHC được niêm yết công khai đảm bảo không bị hư hỏng, rách nát, hoen ố. Hiện nay, kết quả việc niêm yết công khai TTHC đạt được những kết quả như sau:

- Hình thức niêm yết, công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức niêm yết công khai TTHC trên bảng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng,

Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan, đơn vị cũng sử dụng các hình thức khác: đóng thành tập để tại nơi tiếp nhận hồ sơ của công dân, niêm yết trên phần mềm, hệ thống thông tin điện tử của huyện, xã…

- Vị trí niêm yết công khai: Đối với các cơ quan trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC của công dân, TTHC được niêm yết tại nơi làm việc của cơ quan mình, đồng thời niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện.

Đối với UBND các xã, thị trấn, Bảng niêm yết đặt tại Bộ phận bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các xã, thị trấn. Hầu hết các vị trí niêm yết đều thuận tiện cho việc tiếp cận, tìm hiểu TTHC của tổ chức, cá nhân

- Nội dung TTHC được niêm yết công khai: Các TTHC được niêm yết đảm bảo đầy đủ các yếu tố cấu thành: tên TTHC, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện TTHC, cơ quan thực hiện TTHC, kết quả thực hiện TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính

Các cơ quan trong hệ thống bộ máy hành chính của huyện đã được xác định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, từng bước tăng cường tính chuyên nghiệp trong thực hiện công vụ; không ngừng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác rà soát, quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện luôn được thực hiện theo quy định. Xác định rõ những chức năng, nhiệm vụ có tính tương đồng giữa các cơ quan để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục hiện tượng chồng chéo, bỏ sót và giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sau khi cấp thẩm quyền Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện và cấp xã. UBND huyện và UBND cấp xã ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện, UBND xã, thị trấn nhiệm kỳ 2016-2021 theo quy định.

Trên cơ sở các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trương Đảng (khóa XII).

Thực hiện Công văn số 1548/UBND-NC ngày 18/7/2018 vè việc triển khai Đề án sáp nhập trường học theo quy định và Công văn số 930/SNV-TCBC ngày 18/7/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc sáp nhập trường, giảm điểm trường, dồn lớp trong năm học 2018 – 2019; UBND huyện đã ban hành Quyết định sáp nhập một số trường học trên địa bàn huyện, việc sáp nhập trường học đã tinh gọn được đội ngũ cán bộ quản lý, khắc phục được tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ trong nhà trường.

Việc giao biên chế, số lượng người làm việc cho các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; không vượt quá biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, thẩm định.

Đã xây dựng Đề án và đang xin ý kiến tỉnh về việc sáp nhập Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Đài Truyền thanh – Truyền hình thành Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Đak Pơ; hợp nhất Trạm Khuyến nông, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, nhiệm vụ khuyến công của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và nhiệm vụ định canh định cư của Phòng Dân tộc thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Đak Pơ; sáp nhập Phòng Y tế, Phòng Dân tộc vào Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ.

Ngoài ra, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cũng đã xây dựng quy chế làm việc nhằm cải tiến chế độ làm việc, trách nhiệm người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính ở địa phương.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc

UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã để có cơ sở đánh giá xếp loại cuối năm và kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện sai phạm nếu có.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý

Thực hiện phân cấp quản lý về nguồn nhân lực, về tài chính (khoán kinh phí chi tiêu cho các cơ quan, đơn vị). Mục tiêu cơ bản của việc phân cấp quản lý là phát huy dân chủ, nâng cao tính chủ động, năng động của các cấp quản lý gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nhất định. Bên cạnh đó, phân cấp quản lý cũng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý hành chính, do đó việc phân cấp quản lý hoạt động hành chính là hết sức quan trọng và cần thiết.

3.4. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với sự nghiệp công lập, đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa lĩnh vực; phân cấp và thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công về tổ chức thực hiện, nhân lực, tài chính… Từ đó có thể bố trí sử dụng cán bộ, công

chức, viên chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu của vị trí công tác; sự can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công từng bước giảm dần, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, lao động, cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

3.5. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện Đak Pơ (Gọi tắt là Bộ phận Một cửa hiện đại huyện), gồm có 12 công chức, viên chức (Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện phụ trách chung, 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện kiêm nhiệm làm Trưởng Bộ phận), đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch đúng theo quy định. Bộ phận Một cửa hiện đại huyện đặt tại Trụ sở làm việc của HĐND và UBND huyện, chịu sự quản lý toàn diện của Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công việc tại Bộ phận được đầu tư, mua sắm đầy đủ, đảm bảo việc cung cấp và giải quyết các dịch vụ công tốt nhất cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đến giao dịch tại Bộ phận.

Huyện Đak Pơ đã thực hiện tốt cơ chế một cửa các lĩnh vực: chứng minh nhân dân, đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường, đăng ký kinh doanh, hộ khẩu, hộ tịch. Quy trình giải quyết công việc theo cơ chế một cửa được vận hành tương đối tốt; công khai đầy đủ các thủ tục hành chính đa số hồ sơ trên các lĩnh vực đã được quan tâm giải quyết đúng hạn và trước hạn, có mở sổ theo dõi trên các lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn luôn được quan tâm về quy trình thủ tục đảm bảo thời gian theo quy định.

Việc bố trí, phân công cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả được thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Huyện đã bố trí người làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đều có trình độ đại học, có kỹ năng giao tiếp, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân tốt.

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa: 350.

- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 04.

- Số lượng hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện: Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018, kết quả giải quyết các TTHC như sau: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai thực hiện cơ chế một cửa: 8/8, đạt 100% số xã, thị trấn.

- Công tác giải quyết TTHC tại cấp xã: Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018, kết quả giải quyết các TTHC như sau: *(có phụ lục kèm theo)*.

- Hầu hết các cơ quan, đơn vị hành chính cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Chính phủ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp đều xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu vị trí việc làm, từ đó hiệu quả công việc được nâng cao rõ rệt.

4.2. Về công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức xã: 172 người. Trong đó:

- Cán bộ: 81 người (chưa qua đào tạo: 10; sơ cấp: 02; trung cấp: 32; cao đẳng: 05; đại học: 32).

- Công chức: 91 người (đại học: 56; cao đẳng; 12; trung cấp: 23).

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức luôn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật quản lý cán bộ, công chức, viên chức... Hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện đúng các quy định về sử dụng, bố trí, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

**Cấp huyện:*

- Quyết định cử 111 cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Xây dựng báo cáo tiến độ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2018 và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2019.

** Cấp xã:*

- Quyết định cử 76 cán bộ, công chức xã đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

Công tác quản lý cán bộ, công chức ngày càng được đổi mới hơn về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển, chuyển đổi ... ngày càng dân chủ hơn, phát huy trách nhiệm tập thể trong công tác quản lý cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Việc tổ chức thực hiện các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội: thực hiện theo đúng quy định hiện hành, các khoản thuế thu nộp ngân sách nhà nước được trích theo đúng tỷ lệ; tiền lương, tiền công của người lao động cấp đủ cho các cơ quan, đơn vị.

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

UBND huyện đã chỉ đạo và giao trách nhiệm cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Các cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, làm cơ sở cho việc triển khai, nội dung quy chế của các đơn vị, tập trung vào việc đề ra các biện pháp tổ chức, tăng cường công tác quản lý cơ quan nhằm sử dụng kinh phí có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, tăng được thu nhập cho cán bộ, công chức nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tổng số cơ quan hành chính cấp huyện cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 19 cơ quan.

- Cơ quan triển khai thực hiện:

+ Tổng số cơ quan đã thực hiện chế độ tự chủ: 19 cơ quan.

+ Tổng số cơ quan chưa thực hiện chế độ tự chủ: 0 cơ quan.

- Cơ quan ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công:

+ Tổng số cơ quan đã ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: 19 cơ quan.

+ Tổng số cơ quan chưa ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: 0 cơ quan.

- Tổng số cơ quan có mức thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 cơ quan.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định 16/2015/NĐ-CP

Các đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, làm cơ sở cho việc triển khai, nội dung quy chế của các đơn vị, tập trung vào việc đề ra các biện pháp tổ chức, tăng cường công tác quản lý cơ quan nhằm sử dụng kinh phí có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, tăng được thu nhập cho viên chức nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cần phải triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm: 30 đơn vị

- Đơn vị sự thực hiện chế độ tự chủ:

+ Tổng số đơn vị đã thực hiện chế độ tự chủ: 30 đơn vị.

+ Tổng số đơn vị chưa thực hiện chế độ tự chủ: 0 đơn vị.

- Đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công:

+ Tổng số đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: 30 đơn vị.

+ Tổng số đơn vị chưa ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: 0 đơn vị.

(Giảm từ 34 đơn vị sự nghiệp công lập xuống còn 30 đơn vị sự nghiệp công lập so với đầu năm là do sáp nhập các trường)

c) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP): Không có

5.3. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao tại cơ quan, địa phương

UBND huyện đã chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp phát triển giáo dục toàn diện. Cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị giáo dục được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Các trường được xây dựng các phòng học kiên cố, các trường mẫu giáo đang từng bước đầu tư theo chương trình kiên cố hóa trường lớp.

Các thiết chế văn hóa được đầu tư theo hướng xã hội hoá; thường xuyên vận động các làng đồng bào dân tộc khôi phục xây dựng nhà rông văn hóa, duy trì và phát huy lễ hội truyền thống tốt đẹp, xóa bỏ các tập tục lạc hậu; đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Phong trào thể dục, thể thao phát triển sâu rộng; công tác quản lý các dịch vụ văn hóa được tăng cường; phòng trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai rộng khắp và nhân dân nhiệt tình hưởng ứng.

Số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động từ trước đến nay: 02 dự án (lĩnh vực thể thao), 01 trường Mẫu giáo tư thục Sao Mai (lĩnh vực giáo dục - đào tạo). Xã hội hóa trên lĩnh vực: y tế, dạy nghề hiện nay chưa có.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

Việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh: Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều được cấp tài khoản thư điện tử công vụ (tổng cộng có 31 đơn vị); 255 CBCCVC thuộc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã được cấp tài khoản thư điện tử công vụ, trong đó 100% CBCCVC và 100% cơ quan, đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử.

Cổng thông tin điện tử: Cổng thông tin điện tử của huyện được xây dựng và cấp phép hoạt động vào ngày 26/11/2013 theo Giấy phép 07/GPTTĐT-STTTT của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai. Các mục thông tin chủ yếu của Trang thông tin điện tử huyện đáp ứng yêu cầu tại khoản 2 Điều 28 Luật

Công nghệ thông tin, Điều 4 Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Điều 10 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Các thông tin cung cấp trên Trang thông tin điện tử huyện đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, phản ánh đầy đủ các hoạt động của lãnh đạo huyện, các ngành, các đơn vị.... Tính đến ngày 20/11/2018, Cổng thông tin điện tử huyện đã đăng tải được 208 tin, bài các loại phản ánh phong phú, đa dạng các hoạch động của huyện. Đảm bảo tính thuận tiện trong truy cập và khai thác thông tin.

Trong năm, huyện đã đầu tư và hoàn thành việc xây dựng 08 Trang Thông tin điện tử cho 08 đơn vị hành chính cấp xã, nhằm đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền cấp xã và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho các hoạt động của chính quyền cấp xã đến với người dân và doanh nghiệp.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đối với các thủ tục hành chính và mức độ 3 đối với 8 thủ tục hành chính thuộc cấp huyện giải quyết gồm:

+ Lĩnh vực tư pháp: cấp bản sao trích lục hộ tịch: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng thực.

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc.

+ Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

+ Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.

Sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành:

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai đến tất cả các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; các cơ quan của Trung ương, Tỉnh đứng chân trên địa bàn huyện. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để tiếp nhận văn bản đến, trao đổi tài liệu, gửi, nhận văn bản và quản lý điều hành.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai liên thông đến UBND các xã, thị trấn thuộc huyện theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 và của UBND tỉnh tại Công văn số 5005/UBND-VHXH ngày 9/11/2015, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử.

Hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình (HNTH):

Hệ thống HNTH được vận hành an toàn, đảm bảo phục vụ các cuộc họp trực tuyến do UBND tỉnh và các ngành cấp trên tổ chức. Trong năm có 16 cuộc họp trực tuyến giữa tỉnh với địa phương.

Triển khai Hệ thống Một cửa điện tử tại UBND xã Tân An, Cư An, Phú An và thị trấn Đak Pơ (4/8 đơn vị cấp xã), bước đầu đi vào hoạt động.

100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, 100% các xã, thị trấn được tập huấn sử dụng chữ ký số phục vụ công tác trao đổi văn bản điện tử.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Công tác rà soát các thủ tục hành chính và cập nhật, xây dựng các quy trình ISO theo quy định mới: Trong quá trình xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, các cơ quan hành chính thuộc huyện đã tiến hành rà soát các thủ tục hành chính theo Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện do UBND tỉnh công bố và hệ thống hóa thành 143 quy trình ISO; đồng thời trong quá trình thực hiện, tiếp tục rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các vướng mắc, phát sinh cho phù hợp.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008: đã được triển khai áp dụng tại phòng Tư pháp và 04 xã, thị trấn (xã Tân An, Phú An, Ya Hội và thị trấn Đak Pơ).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện, các cơ quan, ban, ngành, các xã, thị trấn nỗ lực triển khai đã đem lại những kết quả tích cực, góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của huyện, hoàn thiện hệ thống thể chế, tạo bước chuyển biến, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính. Công dân, tổ chức, doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong tiếp xúc, giải quyết công việc với cơ quan hành chính. Tính minh bạch, công khai của nền hành chính được nâng lên, tạo được lòng tin trong nhân dân, sự đồng thuận của xã hội.

- Đã thực hiện công khai minh bạch các biểu mẫu thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí, thời gian giải quyết hồ sơ, quy trình giải quyết công việc hành chính theo yêu cầu của tổ chức và công dân theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian. Trách nhiệm của cá nhân cán bộ, công chức được rõ ràng, mối quan hệ phối hợp trong giải quyết công việc từng bước đồng bộ, chặt chẽ. Ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức công vụ và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức đối với việc thụ lý, giải quyết hồ sơ, thủ tục của người dân được nâng lên.

- Cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Dần khắc phục những chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị lẫn nhau nhờ thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước giữa các cơ quan chuyên môn.

- Thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhằm tạo cơ chế thông thoáng, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tăng trách nhiệm cho Thủ trưởng đơn vị; thực hành tiết kiệm, tăng thu nhập, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức.

- Cùng với cải tiến lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, đổi mới tác phong của cán bộ, công chức, việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành đã từng bước nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của cơ quan hành chính nhà nước và nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng hành chính của cán bộ, công chức.

- Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và nhân dân đã có chuyển biến rõ nét nên công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính được quan tâm, sâu sát hơn trước, bước đầu đã có những kết quả tốt.

- Chế độ quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được cải tiến đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc,... của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, nhiệm vụ.

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Tồn tại, hạn chế:

- Các thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi làm cho địa phương còn lúng túng trong việc tổ chức thực hiện.

- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu; Giải quyết công việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở một số lĩnh vực chưa đảm bảo đúng quy trình và thời gian.

- Công tác cập nhật, rà soát các quy trình ISO theo các thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung tại các cơ quan hành chính thuộc huyện đôi lúc chưa chủ động, kịp thời gây khó khăn cho công tác cập nhật các quy trình luân chuyển hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm dân chủ và phòng, chống tham nhũng; tập trung đồng bộ các nội dung về thể chế, tổ chức bộ máy, công chức công vụ, tài chính công và hiện đại hoá hành chính; tiếp tục tập trung mạnh vào việc cải cách thủ tục hành chính, giải pháp quan trọng hàng đầu để khắc phục tình trạng quan liêu, nhũng nhiễu, cửa quyền, gây phiền phức trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã, đảm bảo giải quyết công việc của công dân, tổ chức được thuận tiện, nhanh chóng, đúng pháp luật. Duy trì, mở rộng hoạt động Cổng thông tin điện tử của huyện, thường xuyên cập nhật thủ tục

hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế để giải quyết thủ tục cho người dân, tổ chức đúng quy định.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từ khâu tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường đào tạo về chuyên môn, kỹ năng hành chính, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ, công chức. Áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin và các công cụ quản lý hiện đại khác trong việc quản lý đội ngũ cán bộ, công chức cũng như giải quyết công việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức ở cơ sở vững mạnh, có năng lực tổ chức, công tâm với nhiệm vụ, thạo việc, tận tuỵ với dân, đáp ứng yêu cầu quản lý nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Trung ương, của tỉnh về công tác cải cách hành chính nhà nước nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân và tạo sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp trong lãnh đạo, điều hành và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém và kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức có hành vi, thái độ nhũng nhiễu, hách dịch, cửa quyền hoặc gây phiền hà đối với tổ chức và công dân nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính, nhất là ở cấp cơ sở.

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí một số chức danh công chức, viên chức theo Nghị định số 158, 150 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương và của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Đẩy mạnh việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đúng kế hoạch.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2019 của huyện Đak Pơ./.

Nơi nhận
- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- L/đ UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trường

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018	12/2017			
2	Kế hoạch kiểm tra cải các hành chính năm	3/2018			
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm	12/2017			
4	Kế hoạch công tác Kiểm soát TTHC năm	01/2018			
5	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	Thực hiện thường xuyên			
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, địa phương	9/2017			
7	Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương	12/2017			

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt				8	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC				8	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	21		13	8	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	13		13		
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	21		13	8	
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	21		13	8	
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	29		29		
8	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	13		13		
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	29		29		
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức					
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	50		42	8	
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130	19		19		
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	19		19		
14	Cơ quan hành chính ban hành chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	19		19		
15	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo NĐ 43	30		30		
16	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	30		30		
17	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	30		30		
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115	0				
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	0				

20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	0				
21	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	30		22	8	
22	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	30		22	8	
23	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	1		1		
24	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO	21		13	8	
25	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	21		13	8	
26	Số cơ quan, đơn vị có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	17		9	8	
27	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định					
28	Số cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại	5		1	4	

Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra Theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	21		13	8	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	29		29		
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập	0		0		

Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % *(so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)*	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cơ quan, địa phương	593					
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ quan, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	593		350	243		
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			4	3		



Phụ lục 6

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã	172	-	
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	114/172	66,28%	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	76/172	44,19%	

* ***Ghi chú:*** *Những trường hợp được đánh dấu (-) là không thống kê*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 248 /BC-UBND ngày 20 / 11 /2018 của UBND huyện Đak Pơ)

Đơn vị tính: Số hồ sơ hành chính

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết, theo thẩm quyền	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Tỷ lệ trễ hạn
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**											
1	**Phòng TN&MT tham mưu, giải quyết**											
	Lĩnh vực đất đai	125	0	7	118	117	107	10	8	7	1	8,80%
	Lĩnh vực môi trường	16	0	0	16	13	13	0	3	3	0	0,00%
2	**Chi nhánh VPĐKĐĐ tham mưu, giải quyết**											
	Lĩnh vực giao dịch bảo đảm	1.506	0	0	1.506	1.506	1.506	0	0	0	0	0,00%
	Lĩnh vực đất đai	1.645	0	0	1.645	1.350	1.299	51	295	295	0	3,10%
3	**Phòng Tư pháp tham mưu, giải quyết**					0			0			
	Lĩnh vực tư pháp	65	0	0	65	65	65	0	0	0	0	0,00%
4	**Phòng LĐ,TB&XH tham mưu, giải quyết**					0			0			
	Lĩnh vực LĐ, TB & XH	225	0	0	225	220	220	0	5	5	0	0,00%
5	**Phòng kinh tế và hạ tầng tham mưu, giải quyết**											
	Lĩnh vực Xây dựng	79	0	0	79	76	76	0	3	3	0	0,00%
	Lĩnh vực Công thương	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	0,00%

6	**Phòng Nội vụ tham mưu, giải quyết**					0			0			
	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	28	0	0	28	28	28	0	0	0	0	0,00%
7	**Phòng TC-KH tham mưu, giải quyết**											
	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	95	0	0	95	95	95	0	0	0	0	0,00%
8	**Công an huyện tham mưu, giải quyết**					0			0			
	Cấp giấy CMND	1.552	0	0	1.552	1.500	1.500	0	52	52	0	0,00%
TỔNG CỘNG		**5.340**	**0**	**7**	**5.333**	**4.974**	**1.600**	**20**	**366**	**365**	**1**	**0,39%**
B	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**											
1	Hành chính tư pháp	22.646	0	0	22.646	22.640	22.640	0	6	6	0	0,00%
2	Tài nguyên môi trường	67	0	0	67	62	61	1	5	5	0	1,49%
3	Xây dựng	18			18	18	18	0	0	0	0	0,00%
4	Lĩnh vực LĐ, TB & XH	242	0	0	242	233	233	0	9	9	0	0,00%
5	Thi đua khen thưởng	25	0	0	25	25	25	0	0	0	0	0,00%
6	Khiếu nại, tố cáo	42	0	0	42	41	41	0	1	1	0	0,00%
7	Đăng ký quản lý cư trú	1.789	0	0	1.789	1.758	1.758	0	31	31	0	0,00%
	TỔNG CỘNG	**24.829**	**0**	**0**	**24.829**	**24.777**	**24.776**	**1**	**52**	**52**	**0**	**0,00%**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK PƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết của huyện Đak Pơ

(Kèm theo Báo cáo số: 248 /BC-UBND ngày 20 /11/2018 của UBND huyện Đak Pơ)

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu																										
1	Phạm Văn Thuận								Kiểm tra thực địa	Châu Dim (Phòng TNMT)	Đặng Thị Kim Dung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1															
2	Trần Thị Lệ Hoa								Kiểm tra thực địa	Châu Dim (Phòng TNMT)	Lưu Huệ Linh (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1															

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
			Trong đó			Trong đó									Trong đó										Trong đó			
		Tổng số	Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
3	Trần Văn Khánh								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế; Phòng TNMT trình hồ sơ qua UBND huyện	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT)	1																
4	Võ Văn Ba								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế; Phòng TNMT trình hồ sơ qua UBND huyện	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT)	1																
5	Nguyễn Bá Hà								Kiểm tra thực địa; Máy in A3 hư hỏng	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT)	1																
6	Hường Minh Thành								Bổ sung đơn ghi nợ tiền SDĐ	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT)	1																
7	Nguyễn Hồ (Nguyễn Thị Giá)								Chờ thông báo miễn giảm tiền SDĐ	Châu Dim (Phòng TNMT)	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
8	Nguyễn Thành Danh (Huỳnh Thị Hồng Xuyến)								Kiểm tra thực địa	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT) Phan Tấn Nhã (Phòng KT-HT)	1																
9	Trần Lâm (Nguyễn Thi Hường)								Điều chỉnh giới cận thửa đất	Lưu Huệ Linh (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	Châu Dim (Phòng TNMT)	1																
	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	8																									
1	Đặng Tấn Lực								Bổ sung phiếu chuyển hồ sơ	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
2	Nguyễn Văn Hiền								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
3	Nguyễn Thị Kim Xuân								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
			Trong đó			Trong đó									Trong đó										Trong đó			
		Tổng số	Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
4	Võ Bá Xuân								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
5	Trần Duy Tân								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
6	Võ Thơm								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
7	Nguyễn Thị Lợi								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Lưu Huệ Linh (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
8	Trương Thị Việt								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
	Thủ tục ĐKBĐ QSDĐ, quyền sở hữu TSGLVĐ trong trường hợp chuyển nhượng, CT, CTL, TK, TC, góp vốn bằng QSDĐ, quyền sở hữu TSGLVĐ; chuyển quyền SDĐ, QSHTSGLVĐ	29																									
1	Nguyễn Minh Vũ								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
2	Võ Công Tuấn								Bổ sung trích lục	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
3	Đỗ Tấn Chuyện								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																

IC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
	Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
		Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
								Xác định nghĩa vụ tài chính	Nguyễn Nhất Duy (Chi cục thuế huyện Đak Pơ)	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1																
								Xác định nghĩa vụ tài chính	Nguyễn Nhất Duy (Chi cục thuế huyện Đak Pơ)	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1																
								Xác định nghĩa vụ tài chính	Nguyễn Nhất Duy (Chi cục thuế huyện Đak Pơ)	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1																
								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Lưu Huệ Linh (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Lưu Huệ Linh (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
mg								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
20	Trần Thanh Tình								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
21	Nguyễn Ngọc Minh								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																
22	Đỗ Quang Vinh								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
23	Võ Kim Trọng								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
24	Lê Quốc Biển								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
25	Phạm Thanh Hải								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
26	Nguyễn Thị Sang								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1															
27	Nguyễn Thanh Vân								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1															
28	Nguyễn Văn Gia								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phạm Duy Tân (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1															
29	Đoàn Văn Mười								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phạm Duy Tân (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1															

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	5																									
1	Phạm Thị Bích Liên								Xác định điều kiện cấp, sở hữu nhà ở	Phan Tấn Nhã (Phòng Kinh tế - Hạ tầng)	Phương Đình Trung (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	1																
2	Nguyễn Dinh								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
3	Phạm Thị Mùi								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
4	Trần Thị Mận								Chi nhánh VPĐKĐĐ chuyển thông tin thuế	Nguyễn Xuân Hùng (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)		1																
5	Nguyễn Mậu Liên								Quá trình luân chuyển hồ sơ và trả kết quả qua đường bưu điện còn chậm	Phạm Duy Tân (VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ)	VNPOST-Bưu điện huyện Đak Pơ	1																

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
		Tổng số	Trong đó			Trong đó									Trong đó									Tổng số	Trong đó			
			Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	11																									
1	Phạm Thị Thanh Thúy								Trích đo	Nguyễn Xuân Hùng	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															
2	Trần Thị Hằng								Trích đo	Phương Đình Trung	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															
3	Lương Văn Chín								Trích đo	Nguyễn Xuân Hùng	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															
4	Lê Văn Minh								Trích đo	Nguyễn Xuân Hùng	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															
5	Đặng Quang Y								Xác định tài chính	Nguyễn Nhất Duy	CCT Đak Pơ	1															
6	Hà Văn Đợ								Trích đo	Phương Đình Trung	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															
7	Nguyễn Tuấn Bình								Trích đo	Nguyễn Xuân Hùng	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1															

STT	Lĩnh vực /TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01 đến 05/11/2018				Số hồ sơ đã giải quyết									Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết									Lũy kế hồ sơ giải quyết từ 01/01 đến 05/11/2018				
			Trong đó			Trong đó									Trong đó										Trong đó			
		Tổng số	Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giai đoạn giải quyết	Tổng số văn bản xin lỗi
1	2	3= 4+5	4		5	6= 7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26	25	26	27	28
8	Nguyễn Ngọc Minh								Trích đo	Nguyễn Xuân Hùng	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1																
9	Nguyễn Xuân Bay								Trích đo	Phương Đình Trung	VPĐKĐĐ-CN huyện Đak Pơ	1																
10	Phan Thanh Tạo								Trích đo	Phương Đình Trung	VPĐKĐĐ-CN Đak Pơ	1																
11	Trần Ngọc Dũng																X	Chờ xác định thông tin từ VPĐK an khê	VP ĐK ĐĐ-CN Đak Pơ									